

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HS-ST
Ngày 08-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Phụng;
2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Hồng T, sinh năm 1989; tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Tổ 6, khu phố T, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng G, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1969; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 03/01/2019, sau đó chuyển sang tạm giam đến nay (có mặt).

- Bị hại: Hồ Thị Th, sinh năm 1988, địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu phố M, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt).

2. Bà Trương Thị Thu T, sinh năm 1996; địa chỉ: Khu phố B, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 03/8/2018, Nguyễn Hồng T đến cửa hàng tạp hóa H của bà Hồ Thị Th thuộc tổ 6, khu phố T, phường H, thị xã T mua một chai nước giải khát. Khi mua hàng, T nhìn thấy một hộp nhựa hình trụ, nắp trắng cao khoảng 10 cm có chứa card điện thoại với nhiều mệnh giá khác nhau nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Thực hiện ý định, T bảo bà Th bán cho một cái nhíp, khi bà Th cúi xuống lấy nhíp thì T lén lút lấy hộp đựng card bỏ vào túi quần phía trước. Sau khi chiếm đoạt số card trên, T trả tiền mua nhíp và trở về nhà. Về đến nhà, T mở nắp hộp lấy toàn bộ card bỏ vào túi quần, T không đếm số card điện thoại.

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, T điều khiển mô tô biển số 38N2-0197 đến quán tạp hóa N do bà Nguyễn Thị H làm chủ, thuộc khu phố M, phường H, thị xã T để bán card. T nói với bà H rằng T nhặt được một số card điện thoại và hỏi bà H có mua không thì bà H đồng ý mua. T lấy toàn bộ card trong túi quần ra cùng bà H đếm được: 04 thẻ card Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng, 02 thẻ card Mobifone mệnh giá 100.000 đồng, 07 thẻ Viettel mệnh giá 100.000 đồng, 06 thẻ card Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, 22 thẻ card Mobifone mệnh giá 50.000 đồng, 12 thẻ card Vietnammobile mệnh giá 20.000 đồng, 05 thẻ card Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng, 03 thẻ card Viettel mệnh giá 20.000 đồng. Bà H mua tổng số card này với giá 3.000.000 đồng. Sau khi bán card, T điều khiển mô tô biển số 38N2-0197 đến quán cà phê O, thuộc phường Tân Bình, thị xã D trả nợ cho T2 (không rõ nhân thân) hết 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng). Trả tiền xong T điều khiển xe mô tô biển số 38N2-0197 đến nhà bà Trương Thị Thu T1 chơi và cho T1 1.000.000 đồng (một triệu đồng) nói mua gì thì mua (T1 không biết tiền trên do T phạm tội mà có), số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân. T1 dùng tiền mua thức ăn và đồ dùng cho T.

Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, bà Th phát hiện hộp nhựa chứa card điện thoại đã bị mất nên xem lại camera thì phát hiện T lấy trộm nên đến trình báo Công an phường H. Công an mời T lên làm việc và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Bà Nguyễn Thị H giao nộp: 04 thẻ card Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng, 02 thẻ card Mobifone mệnh giá 100.000 đồng, 07 thẻ card Viettel mệnh giá 100.000 đồng, 06 thẻ card Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, 22 thẻ card Mobifone mệnh giá 50.000 đồng, 12 thẻ card Vietnammobile mệnh giá 20.000 đồng, 05 thẻ card Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng, (bà H đã bán cho người khác 03 thẻ card Viettel mệnh giá 20.000 đồng).

- Bị cáo Nguyễn Hồng T giao nộp: 01 xe mô tô biển số 38N2-0197, 01 hộp nhựa, 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Hồng T;

- Bà Trương Thị Thu T1 giao nộp 1.000.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 257/KLTS-TTHS ngày 24/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T kết luận: 04 thẻ card Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng, 02 thẻ card Mobifone mệnh giá 100.000 đồng, 07 thẻ Viettel mệnh giá 100.000 đồng, 06 thẻ card Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, 22 thẻ card Mobifone mệnh giá 50.000 đồng, 12 thẻ card Vietnammobile mệnh giá 20.000 đồng, 05 thẻ card Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng, 03 thẻ card Viettel mệnh giá 20.000 đồng có tổng trị giá 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng).

Ngày 03/01/2019, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Th số card đã thu giữ (thiếu 03 thẻ card Viettel mệnh giá 20.000 đồng do bà H đã bán cho người khác) và 01 hộp nhựa. Bà Th không có yêu cầu gì khác.

Đối với xe mô tô hiệu Wave biển số 38N2-0197 do ông Nguyễn Văn D đứng tên chủ sở hữu. Xe do ông D bán cho một người tên B (không rõ nhân thân) và chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu. T khai: T mua xe của một người tên T2 (không rõ nhân thân) không có giấy tờ sở hữu. Qua xác minh, xe mô tô này không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng.

Tại bản Cáo trạng số 60/CT-VKSTU ngày 10/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T quyết định: Truy tố bị cáo Nguyễn Hồng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng: Không có. Tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhân thân: Ngày 16/8/2010, bị Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thời hạn 24 tháng, đến ngày 16/10/2012 chấp hành xong.

Tại phiên tòa,

Bị hại bà Hồ Thị Th trình bày: Ngày 03/8/2018, bị cáo Nguyễn Hồng T đã lợi dụng lúc bà Th không để ý, lén lút lấy trộm của bà nhiều thẻ card điện thoại của nhiều nhà mạng với mệnh giá khác nhau, tổng giá trị khoảng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Tuy nhiên, quá trình điều tra Cơ quan Công an chỉ xác định được tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng). Bà Th đã nhận lại số card bị mất tổng giá trị khoảng hơn hai triệu đồng và gia đình bị cáo cũng đã bồi thường thêm cho bà Th 2.000.000 đồng (không lập văn bản giao nhận tiền). Do đó, bà Th không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Thu T1 trình bày: Bị cáo T có cho bà T1 số tiền 1.000.000 đồng nhưng bà không biết tiền từ đâu mà có. Bà T1 đã dùng toàn bộ số tiền này mua thức ăn và vật dụng cho bị cáo T. Sau khi cơ quan điều tra mời làm việc, bà mới biết đó là tiền do T phạm tội mà có nên đã tự nguyện trả lại 1.000.000 đồng bằng tiền của bà. Bà T1 không có yêu cầu T bồi thường số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt và trình bày ý kiến: Bà H mua số card điện thoại do bị cáo T đem bán với giá 3.000.000 đồng nhưng bà không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Bà yêu cầu được nhận 1.000.000 đồng do bà T1 giao nộp lại và không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như Cáo trạng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo T có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 38N2-0197 không có giấy tờ hợp pháp là phương tiện phạm tội của bị cáo; giao cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.000.000 đồng là tiền bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, lời nói sau cùng bị cáo hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, đánh giá.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hồng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời trình bày của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 03/8/2018, bị cáo Nguyễn Hồng T đã lợi dụng lúc bị hại không để ý, có hành vi lén lút lấy trộm nhiều thẻ card điện thoại của nhiều nhà mạng với mệnh giá khác nhau chứa trong hộp nhựa. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt theo kết luận định giá là 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng). Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm

sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo Nguyễn Hồng T với tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu: Ngày 16/8/2010, bị Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thời hạn 24 tháng, đến ngày 16/10/2012 chấp hành xong.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả, xem thường pháp luật. Do đó, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, rèn luyện, phấn đấu trở thành công dân có ích. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để có một hình phạt tương xứng nhằm giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô biển số 38N2 – 0197 là phương tiện bị cáo sử dụng để phạm tội, qua xác minh điều tra là xe không có giấy tờ hợp pháp nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng cơ quan điều tra đã thu hồi, giao trả cho bà Nguyễn Thị H để bồi thường thiệt hại.

Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Hồng T giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Hồng T.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đối với tội danh và điều luật áp dụng hình phạt đối với bị cáo và biện pháp xử lý vật chứng là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng Kiểm sát viên không đề nghị áp dụng là thiếu sót.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 106, 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự

- Giao số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh, biển số 38N2 – 0197, số khung 1025066, số máy 0525066, không có gương chiếu hậu, không có bửng chắn gió (không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

- Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Hồng T 01 (một) giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Hồng T số 280920830.

5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Hồng T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Bị cáo; (1)
- Bị hại (1);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; (2)
- VKSND thị xã T; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06 - Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã T; (1)
- Cơ quan THAHS Công an thị xã T; (2)
- Chi cục THADS thị xã T; (1)
- Lưu: VT, HS. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh Nga